

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK SONG
TỈNH ĐẮK NÔNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 31/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 10-6-2025

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK SONG, TỈNH ĐẮK NÔNG

- THnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Công Tài.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Liên và bà Võ Thị Thanh Huệ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu, là Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 184/2024/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 16/2025/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1982; địa chỉ: Bon Ta M, xã Trường X, huyện Đắk S, tỉnh Đắk Nông – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh Trịnh Đình A, sinh năm 1975; địa chỉ: Bon Ta M, xã Trường X, huyện Đắk S, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày: Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H với anh Trịnh Đình A kết hôn với nhau là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trường X, huyện Đắk S, tỉnh Đắk Nông ngày 01-02-2000. Trong thời gian sống chung chị H và anh Trịnh Đình A sống với nhau không hạnh phúc, vợ chồng thường hay xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, nhiều lần xung đột, anh A chửi bới, đánh đập chị H nhiều lần, vợ chồng không còn tôn trọng nhau, chị H và anh Trịnh Đình A đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Nay chị H cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không thể kéo dài được nữa, do đó chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn

với anh Trịnh Đình A.

Về con chung: Quá trình chung sống chị Nguyễn Thị H với anh Trịnh Đình A sinh được 03 người con chung gồm: Cháu Trịnh Đình N, sinh ngày 08-01-2002, cháu Trịnh Thị Thu P, sinh ngày 09-9-2003 và cháu Trịnh Hoàng Ng, sinh ngày 19-10-2008. Đối với cháu Trịnh Đình N và cháu Trịnh Thị Thu P đã đủ tuổi trưởng thành và không bị mất hay hạn chế năng lực hành vi dân sự nên không yêu cầu giải quyết. Đối với cháu Trịnh Hoàng Ng, sinh ngày 19-10-2008 hiện đang ở cùng với chị H tại Bon Ta M, xã Trường X, huyện Đăk S, tỉnh Đăk Nông. Sau khi ly hôn chị H có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Trịnh Hoàng Ng đến tuổi trưởng thành. Chị H không yêu cầu anh A phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh Trịnh Đình A là bị đơn trong vụ án, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh thì được biết là anh Trịnh Đình A có đăng ký hộ khẩu và hiện đang sinh sống tại Bon Ta M, xã Trường X, huyện Đăk S, tỉnh Đăk Nông, Tòa án đã thông báo cho anh A biết việc thụ lý vụ án và triệu tập đến Tòa án để làm việc nhưng anh A không hợp tác để giải quyết vụ án. Để đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự và theo quy định của pháp luật nên trong suốt quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước khi mở phiên tòa hôm nay Tòa án phối hợp với chính quyền địa phương tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh Trịnh Đình A nhưng anh A đều từ chối nhận. Do đó lập biên bản về việc anh A từ chối nhận văn bản tố tụng của Tòa án lưu hồ sơ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự để giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Song tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; đối với bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên việc Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án là đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Chị Nguyễn Thị H với anh Trịnh Đình A kết hôn với nhau là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trường X, huyện Đăk S, tỉnh Đăk Nông ngày 01-02-2000. Trong thời gian sống chung chị H và anh Trịnh Đình A sống với nhau không hạnh phúc, vợ chồng thường hay xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, nhiều lần xung đột, anh A chửi bới, đánh đập chị H nhiều lần, vợ chồng không còn tôn trọng nhau, chị H và anh Trịnh Đình A đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Điều này chứng tỏ mục đích hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị H với anh Trịnh Đình A đã không đạt được, cuộc sống hôn nhân không thể tiếp tục kéo dài. Do đó chị H yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh A là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tuyên chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Trịnh Đình A; Về con chung: Chị Nguyễn Thị H với anh Trịnh Đình A sinh được 03 người con chung gồm: Cháu Trịnh Đình N, sinh ngày 08-01-2002, cháu Trịnh Thị Thu P, sinh ngày 09-9-2003 và cháu Trịnh Hoàng Ng, sinh ngày 19-10-2008. Đối với cháu Trịnh Đình N và cháu Trịnh Thị Thu P đã đủ tuổi trưởng thành và

không bị mất hoặc hạn chế năng lực thành vi dân sự nên không đề cập giải quyết. Đối với cháu Trịnh Hoàng Ng, sinh ngày 19-10-2008 hiện đang ở cùng với chị H tại Bon Ta M, xã Trường X, huyện Đắc S, tỉnh Đắc Nông, chị H có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Trịnh Hoàng Ng đến tuổi trưởng thành và cũng theo nguyện vọng của cháu Ng. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Ng cho chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành; Về cấp dưỡng: Chị H không yêu cầu nên không xem xét giải quyết; Về tài sản chung và nợ chung: Chị H không yêu cầu giải quyết; Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật: Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Đắc Song giải quyết ly hôn với anh Trịnh Đình A và về quyền nuôi con chung. Bị đơn là anh Trịnh Đình A có địa chỉ và đang sinh sống tại Bon Ta M, xã Trường X, huyện Đắc S, tỉnh Đắc Nông. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Đắc Song; khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

Về sự vắng mặt của đương sự: Chị Nguyễn Thị H là nguyên đơn trong vụ án, vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh Trịnh Đình A là bị đơn trong vụ án vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh thì được biết là anh Trịnh Đình A có đăng ký hộ khẩu và hiện đang sinh sống tại Bon Ta M, xã Trường X, huyện Đắc S, tỉnh Đắc Nông, Tòa án đã thông báo cho anh A biết việc thụ lý vụ án và triệu tập đến Tòa án để làm việc nhưng anh A không hợp tác để giải quyết vụ án. Để đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự và theo quy định của pháp luật nên trong suốt quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước khi mở phiên tòa hôm nay, Tòa án phối hợp với chính quyền địa phương tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh Trịnh Đình A nhưng anh A đều từ chối nhận. Do đó lập biên bản về việc anh A từ chối nhận văn bản tố tụng của Tòa án lưu hồ sơ theo quy định tại khoản 4 Điều 177 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa lần thứ hai anh A vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị H và anh A theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị H với anh Trịnh Đình A kết hôn với nhau là hoàn toàn tự nguyện, có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trường X, huyện Đắc S, tỉnh Đắc Nông ngày 01-02-2000 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng sống với nhau không hạnh phúc, thường hay xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, nhiều lần xung đột, anh A chửi bới,

đánh đập nhiều lần, vợ chồng không còn quan tâm, tôn trọng nhau, chị H và anh A đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Bên cạnh đó, quá trình Tòa án giải quyết vụ án, đã nhiều lần tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng, triệu tập đến làm việc nhưng anh A không hợp tác và từ chối nhận các văn bản tố tụng của Tòa án; những điều này thể hiện anh A không có nguyện vọng hàng gắn quan hệ hôn nhân với chị H, từ bỏ các quyền và nghĩa vụ được trình bày, cung cấp tài liệu, chứng cứ của bị đơn; theo quy định tại Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều này chứng tỏ mục đích hôn nhân giữa chị H và anh H đã không đạt được, cuộc sống hôn nhân không thể tiếp tục kéo dài. Do đó, chị H yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh A là có căn cứ, phù hợp theo khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[2.2]. Về con chung: Chị Nguyễn Thị H với anh Trịnh Đình A sinh được 03 người con chung gồm: Cháu Trịnh Đình N, sinh ngày 08-01-2002, cháu Trịnh Thị Thu P, sinh ngày 09-9-2003 và cháu Trịnh Hoàng Ng, sinh ngày 19-10-2008. Đối với cháu Trịnh Đình N và cháu Trịnh Thị Thu P đã đủ tuổi trưởng thành và không bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự nên không đề cập giải quyết. Đối với cháu Trịnh Hoàng Ng, sinh ngày 19-10-2008 hiện đang ở cùng với chị H tại Bon Ta M, xã Trường X, huyện Đắk S, tỉnh Đắk Nông. Để đảm bảo quyền lợi cho con chung được phát triển ổn định, đầy đủ, chị H có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Trịnh Hoàng Ng đến tuổi trưởng thành và cũng theo nguyện vọng của cháu Ng. Do đó, để đảm bảo cuộc sống và sự phát triển tốt về mọi mặt đối với con chưa thành niên, Hội đồng xét xử cần giao con chung là Trịnh Hoàng Ng, sinh ngày 19-10-2008 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến tuổi trưởng thành. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[2.3]. Về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị H không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[3]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song tại phiên tòa là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016 /UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H đối với anh Trịnh Đình A.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Trịnh Đình A.

1.2. Về con chung: Giao con chung là Trịnh Hoàng Ng, sinh ngày 19-10-2008 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau ly hôn; nghĩa vụ, quyền của cha mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình.

1.3. Về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị H không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm (án phí hôn nhân), được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0004463 ngày 30 tháng 12 năm 2024 tại Chi cục Thi thành án dân sự huyện Đắk S, tỉnh Đắk Nông.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Song (02 bản);
- Chi cục THADS huyện Đắk S;
- UBND xã Trường X, huyện Đắk S, tỉnh Đắk Nông;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đoàn Công Tài